

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HS-ST

Ngày: 17/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng Gấm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Phạm Văn Vĩ.**

Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HS ngày 24/02/2022 đối bị cáo:

1. **Lê T T**, sinh năm 1975, tại Thái Bình.

Nơi thường trú: ấp B Hòa, xã Mỹ Hội, huyện C L, tỉnh Đ T; Chỗ ở hiện nay: số 4A đường số 100, phường T N P A, thành phố T Đ, thành phố H C M; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đ K và con bà Nguyễn T H. Vợ: Nguyễn T H P; Con: có 03 người con tên Lê N P T, Lê N T P, Lê N T V. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/05/2021 đến ngày 28/05/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại.

2. **Nguyễn V H**, sinh năm 1973, tại Đ T.

Nơi thường trú: ấp 2, xã Mỹ Đông, huyện T M, tỉnh Đ T; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn V H và con bà Lê T M. Vợ: Trần T K A; Con: có 02 người con tên Nguyễn T N Y và Nguyễn V T. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/05/2021 đến ngày 28/05/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại.

3. **Nông V Q**, sinh năm 1984, tại T N.

Nơi thường trú: Xóm 9, xã C L, huyện P L, tỉnh T N. Chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ Đông Bốn, xã M T, huyện C L, tỉnh Đ T; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông và con bà Vũ T M. Vợ: Dương T M D; Con: có 03 người con tên Nông T N U, sinh năm 2013 và Nông Q B, sinh năm 2019 và Nông T Q, sinh tháng 12/2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/05/2021 đến ngày 28/05/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại.

4. **Lê T B B**, sinh năm 1994, tại Đ T.

Nơi thường trú: Số 15, khóm 4, phường 6, thành phố C L, tỉnh Đ T; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê T M H và con bà Nguyễn T T. Vợ: Nguyễn T G K; Con: có 02 người con tên Lê N B V và Lê N B N. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/05/2021 đến ngày 28/05/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: **Uông T G**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 203/11 Lê Văn Lương, xã P K, huyện N B, thành phố H C M.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Hồ P B**. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 400A/5 Nguyễn Văn Linh, khu vực 6, phường A K, quận NK, thành phố C T.

- Người làm chứng:

1. Ông **Đoàn V T**. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An Thạnh, thị trấn A P, huyện A P, tỉnh A G.

2. Ông **Phan T L**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1041/62 Trần Xuân Soạn, phường T H, Quận 7, thành phố H C M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê T T và Uông T G có mối quan hệ làm ăn, G hiện còn nợ bị cáo T một số tiền lớn và bỏ trốn không trả. Tối ngày 18/5/2021, bị cáo T biết được ông

G đang ở khách sạn Nam C T thuộc quận C R, thành phố C T nên liên hệ với ông Hồ P B ngụ tại quận NK, thành phố C T (là bạn của bị cáo T) để hướng dẫn đường đi đến khách sạn. Sau khi liên hệ với ông Bình, bị cáo T cùng bị cáo Lê T B B lái xe từ thành phố H C M xuống C T. Trên đường đi bị cáo T đã liên lạc với bị cáo Nguyễn V H và Nông V Q đang ở Đ T cùng qua C T để hỗ trợ. Cả bốn bị cáo hẹn gặp nhau tại khách sạn Nam C T.

Vào khoảng 3 giờ 30 phút ngày 19/5/2021, bị cáo T cùng bị cáo B B đến khách sạn Nam C T thì gặp ông B đón tại đây. Khi bị cáo Q cùng bị cáo H cũng đến thì bị cáo T thuê phòng 303. Sau khi các bị cáo lên phòng khách sạn đã thuê thì bị cáo T nói cho bị cáo Q, H và B B biết ông G đang ở phòng 302, cả nhóm sẽ cùng qua phòng ông G yêu cầu ông G về Công an thành phố H C M giải quyết vụ ông G nợ tiền của bị cáo T, nếu ông G không đồng ý thì ép ông G lên xe đưa đi. Khi đó, bị cáo Q, H và B B đều đồng ý đi cùng bị cáo T. Sau khi nói chuyện xong cả nhóm của bị cáo T qua phòng 302 xông cửa vào thì thấy ông G đang nằm ngủ, lúc này B bỏ về trước. Khi vào phòng bị cáo T buộc G ngồi dậy nói chuyện, nhìn thấy bị cáo T cùng nhiều người xông vào phòng ông G liền bỏ chạy. Lúc này nhóm của bị cáo T đề ông G xuống lấy dây mang theo sẵn trói hai tay của ông G ra sau và đưa ra xe ô tô biển kiểm soát số 51H-398.17 để về thành phố H C M. Bị cáo T điều khiển xe, bị cáo H và B B ép ông G ngồi giữa hai người ở ghế sau. Còn bị cáo Q thì điều khiển xe của bị cáo Q đi theo.

Trên xe ông G liên tục kêu cứu và chống cự nên bị cáo B B dùng tay đánh vào mặt ông G, bị cáo T điều khiển xe đến đoạn IC3 gần cầu vượt về thành phố H C M thì ông G chống cự quyết liệt yêu cầu bị cáo T đưa ông đến công an sở tại nên bị cáo T đã điều khiển xe đưa ông G đến công an phường P T, quận C R, thành phố C T trình báo.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe ô tô biển kiểm soát số 51H-398.17; 01 giấy đăng ký xe số 51H-398.17, 01 giấy đăng ký an toàn kỹ thuật xe số 51H-398.17, 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng số Imel 353056094478406, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 20 số Imel 352682503846288 (của Lê T T); 750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7 (CPH 1819 màu xám xanh) đã qua sử dụng (của Lê T B B); 1.040.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1912, số Imel 868683048651271, 868683048651263 (của Nguyễn V H); 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner màu trắng biển kiểm soát số 51H-691.43, 01 giấy đăng ký xe số 51H-691.43 bản sao y, 01 sổ kiểm định xe số 51H-691.43, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng số Imel 354874093721959, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen số IMel 356646100593763 (của Nông V Q), 01 áo sơ tay ngắn màu trắng, 01 quần tây dài màu đen của Ưông T G, 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 363cm.

Tại Cơ quan điều tra ông Ưông T G khai nhận, bản thân ông có làm ăn với bị cáo T và bị cáo T có giao cho ông 01 xe hiệu Hyundai biển kiểm soát số 51B-407.30, hiện ông còn nợ bị cáo T 1.000.000.000 đồng, nhưng do bị cáo T làm đơn tố giác ông lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Công an thành phố H C M, hiện nay chưa có kết quả giải quyết cuối cùng nên ông không trả tiền cho bị cáo T. Ngày

19/5/2021, ông đang ngủ tại phòng 302, khách sạn Nam C T thì nhóm của bị cáo T xông vào phòng bắt trói đưa ra xe để cùng về thành phố H C M, trên đường đi, bị cáo H và B B dùng tay đánh vào mặt, vào người của ông, ông yêu cầu bị cáo T đưa ông đến Công an sở tại nên bị cáo T đã đưa ông đến Công an phường P T. Tại Cơ quan điều tra ông G đã yêu cầu khởi tố tổ nhóm của bị cáo T về tội bắt giữ người trái pháp luật và cố ý gây thương tích đối với ông.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/TgT ngày 26/5/2021 của Trung tâm pháp y thành phố C T kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sây sứt rách niêm mạc vùng môi trên, khủy và cẳng tay phải, mu bàn tay phải, cổ tay trái. Hiện tại các vết thương đang lành, không ảnh hưởng chức năng.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02% (hai phần trăm).

3. Vết thương do vật tày gây ra.

Qua quá trình điều tra, bị cáo Lê T T thừa nhận vào khoảng tháng 10/2020, Ông T G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe hiệu Hyundai biển kiểm soát số 51B-407.30 của bị cáo T không trả nên bị cáo T đã có đơn tố giác gửi đến Công an thành phố H C M, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả giải quyết, khi biết được ông G đang ở C T thì bị cáo T đã liên lạc với bị cáo Q, H , B B cùng về C T để tìm ông G . Khi đi bị cáo T cùng bị cáo B B đi từ nhà bị cáo T ở thành phố H C M về C T, còn bị cáo Q cùng bị cáo H đi chung xe từ tỉnh Đ T qua C T, cả bốn bị cáo hẹn gặp nhau tại khách sạn Nam C T, trước khi đi bị cáo T có liên lạc với ông Hồ P B là bạn của bị cáo T để hướng dẫn đường đi đến khách sạn Nam C T. Khi đến khách sạn ông B đã đến trước dẫn cả bốn lên phòng 303. Vào phòng cả bốn cùng trao đổi Tiến nói “qua nói chuyện kêu G cùng về Công an thành phố H C M, nếu G chống cự thì trói lại đưa lên công an”. Sau khi bàn bạc cả nhóm qua phòng 302 của ông G, vào phòng bị cáo T yêu cầu ông G về thành phố H C M để nói chuyện, ông G không đồng ý, bỏ chạy ra cửa thì bị cáo T kêu bị cáo B B và H bắt trói ông G lại đưa lên xe của bị cáo T, cho ông G ngồi giữa bị cáo H và B B, còn bị cáo T điều khiển xe về hướng thành phố H C M nhưng do trên xe ông G đã chống cự quyết liệt nên bị cáo T không thể điều khiển xe về thành phố H C M như ý định ban đầu nên điều khiển xe đưa ông G đến Công an phường P T, quận C R, thành phố C T trình báo.

Các bị cáo Lê T B B, Nguyễn V H và Nông V Q đều thừa nhận có hành vi vào phòng ngủ của ông Ông T G bắt trói ông G từ trong khách sạn Nam C T vì cho rằng ông G có tình lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo T, nên cả nhóm đã trói ông G đưa ra xe phù hợp với lời trình bày của bị cáo Lê T T.

Đối với ông Hồ P B, cơ quan điều tra xác minh được, ông B và bị cáo T có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Ngày 18/5/2021, bị cáo T gọi điện cho ông B nhờ hướng dẫn đường đi đến Khách sạn Nam C T thuộc quận C R, vì bị cáo T có việc gấp nhưng không biết rõ đường đi ở C T. Sau khi ông B gặp các bị cáo T , H , B B và Q ở khách sạn, thì ông B đưa lên phòng 303, sau đó ông B đi xuống

lấy xe về nhà không biết việc bị cáo T cùng đồng bọn bắt giữ ông G. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý Hồ P B với vai trò đồng phạm với bị cáo T.

Theo kết luận giám định thương tích, tỷ lệ thương tích tổn hệ đến sức khỏe của ông Uông T G là 02%, thương tích của ông G do nhóm của bị cáo T dùng tay để đánh gây nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát số 51H-398.17 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận C R xác minh được xe ô tô này do bà Nguyễn T H P – vợ bị cáo T là chủ sở hữu, bà Phúc không biết việc bị cáo T dùng xe này để đi bắt giữ ông G nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn T H P 01 xe ô tô biển kiểm soát số 51H-398.17, 01 giấy đăng ký xe số 51H-398.17, 01 giấy đăng ký an toàn kỹ thuật xe số 51H-398.17; trả 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng số Imel 353056094478406 cho Lê T T; trả Nông V Q 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner màu trắng biển kiểm soát số 51H-691.43, 01 giấy đăng ký xe số 51H-691.43 bản sao y, 01 sổ kiểm định xe số 51H-691.43, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng số Imel 354874093721959; trả Lê T B B 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả Nguyễn V H 1.040.000 đồng (Một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-CR, ngày 25 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố các bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” theo Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê T T 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời gian thử thách gấp đôi.

Bị cáo Nguyễn V H 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời gian thử thách gấp đôi.

Bị cáo Nông V Q 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời gian thử thách gấp đôi.

Bị cáo Lê T B B 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời gian thử thách gấp đôi.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý như sau:

Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 20 số imel 352682503846288, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1912, số imel 868683048651271, 868683048651263, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen số imel 35664610059376, đã qua sử dụng;

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1819 màu xám xanh), imel 869604030904311, đã qua sử dụng cho bị cáo Lê T B B.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi tay ngắn màu trắng; 01 quần tây dài màu đen của Uông T G; 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 363cm.

Ghi nhận việc cơ quan chức năng đã trao các tài sản cho các chủ hữu trước đó.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nếu bị hại có yêu cầu gì thêm thì tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố cơ bản là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, các đương sự không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

Đối với bị hại, người làm chứng ông Lâm đã triệu tập hợp lệ tuy nhiên vẫn vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo thừa nhận vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 19/05/2021 có hành vi dùng dây bắt trói bị hại đưa đến Công an phường P T, quận C R trình báo việc bị hại lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo T. Lời thừa nhận này của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác như lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nhất thời, phát xuất từ việc bị hại cũng có một phần lỗi là nợ tiền của bị cáo T không trả mặc dù bị cáo đã tố cáo công an nhưng chưa được xử lý, lo sợ bị hại lại tiếp tục trốn tránh, trước khi bắt giữ bị hại thì bị cáo T có liên hệ với Công an tại thành phố H C M nhưng chưa xử lý kịp thời xử lý, các bị cáo nôn nóng dẫn đến hành vi phạm tội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện. Thời điểm phạm tội các bị cáo đã thành niên là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm hậu quả pháp lý do các bị cáo gây ra.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Việc bắt giữ người trái pháp luật của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Nhận thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần, sức khỏe cho bị hại, do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là *“Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”*. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc khác, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công rõ ràng vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội. Vai trò của bị cáo T là chính yếu nên phải chịu mức hành phạt nặng hơn so với ba bị cáo còn lại, cả ba bị cáo Q, H , B B có vai trò giúp sức ngang nhau nên mức hình phạt tương đồng nhau.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Uông T G vắng mặt không tham dự phiên tòa chưa yêu cầu các bị cáo bồi thường, tuy nhiên các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại ông G số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trong trường hợp bị hại yêu cầu số tiền nhiều hơn thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 20 số imel 352682503846288 (của Lê T T), đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1912, số imel 868683048651271, 868683048651263, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen số imel 35664610059376, đã qua sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1819 màu xám xanh), imel 869604030904311, đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nên thống nhất trả lại cho bị cáo Lê T B B theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 áo sơ mi tay ngắn màu trắng; 01 quần tây dài màu đen của Uông T G có giá trị sử dụng không lớn và 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 363cm liên quan đến hành vi phạm tội nên thống nhất tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ghi nhận Cơ quan chức năng đã xử lý trả tài sản cho các chủ sở hữu trước đó.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê T T** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân T N P A, thành phố T Đ, thành phố H C M là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn V H** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông, huyện T M, tỉnh Đ T là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo **Nông V Q** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M T, huyện C L, tỉnh Đ T là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo **Lê T B B** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C L, tỉnh Đ T là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 20 số imel 352682503846288 (của Lê T T), đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1912, số imel 868683048651271, 868683048651263, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen số imel 35664610059376, đã qua sử dụng.

Trả 01 điện thoại di động hiệu Oppo (CPH 1819 màu xám xanh), imel 869604030904311, đã qua sử dụng cho bị cáo Lê T B B.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi tay ngắn màu trắng; 01 quần tây dài màu đen của ông Ưông T G và 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 363cm.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận các bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại ông Ưông T G số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trong trường hợp ông G yêu cầu số tiền nhiều hơn thì có

quyền yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác. Ông Uông T G được quyền liên hệ với cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T để nhận số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0008070 ngày 24/02/2022 mà các bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H đã nộp.

Về án phí hình sự:

Áp dụng: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Lê T T, Nông V Q, Lê T B B, Nguyễn V H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C T;
- VKSND Q. C R;
- Chi Cục THA Q. C R;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. C R;
- Nhà tạm giữ Công an quận C R;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ HỒNG GẮM